

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
BAN DÂN TỘC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BDT-CSDT

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

V/v báo cáo kết quả thực hiện  
Nghị quyết số 02-NQ/TU  
ngày 17/8/2021 của Tỉnh ủy

Kính gửi:

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Nội vụ, Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế, Tài nguyên và Môi Trường;
- Công an tỉnh.

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát kinh tế - xã hội, giảm nghèo ở các huyện miền núi (*viết tắt là Nghị quyết 02*) theo yêu cầu tại Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 24/4/2023 của Tỉnh ủy và Đoàn kiểm tra số 1049 của Tỉnh ủy; căn cứ Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 02 (*có gửi kèm theo trên trực liên thông văn bản*); Ban Dân tộc tỉnh đề nghị các sở, ngành báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao chủ trì thực hiện tại Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 06/5/2022 (*nội dung báo cáo tại phụ lục số 01 và 02 kèm theo*).

Báo cáo của Quý cơ quan đề nghị gửi về Ban Dân tộc tỉnh trước ngày 25/5/2023 để tổng hợp, báo cáo Đoàn kiểm tra theo quy định.

Ban Dân tộc tỉnh đề nghị các sở, ngành quan tâm phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đoàn Kiểm tra số 1049;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG BAN**

**Trần Văn Mẫn**

**PHỤ LỤC 1**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**  
*(Kèm theo Công văn số /BDT-CSDT ngày tháng năm 2023 của Ban Dân tộc tỉnh)*

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Chỉ tiêu KTXH đến năm 2025	Chỉ tiêu KTXH đến năm 2030	Kết quả thực hiện đến tháng 5/2023	Cơ quan báo cáo	Ghi chú
1	Giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010)	tăng 8-9%/năm	tăng 7-8%/năm		Sở Kế hoạch và Đầu tư	
	<i>*Bình quân giai đoạn 5 năm</i>					
2	Cơ cấu kinh tế				Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2.1	<i>Nông, lâm, ngư nghiệp</i>	33-34%	30%			
2.2	<i>Công nghiệp, xây dựng</i>	42-43%	44%			
2.3	<i>Dịch vụ</i>	24-25%	26%			
3	Độ che phủ rừng	63%	67%		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	23	20		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
5	Tỷ lệ dân được sử dụng điện	99%	100%		Sở Công Thương	
6	Tỷ lệ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	90%	95%		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
7	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia				Sở Giáo dục và Đào tạo	
7.1	<i>Mầm non</i>	30%	35%			
7.2	<i>Tiểu học</i>	45%	48%			

7.3	<i>Trung học cơ sở</i>	40%	45%			
7.4	<i>Trung học phổ thông</i>	77%	80%			
8	Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	80-85%	90-95%		Sở Y tế	
9	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi	<15%	<12%		Sở Y tế	
10	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế	98%	100%		Sở Y tế	
11	Tỷ lệ xã, thị trấn có nhà văn hóa	80%	100%		Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
12	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng	100%	100%		Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
13	Tỷ lệ giảm hộ nghèo	4-4,5%/năm	3%/năm		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
14	Số việc làm trong năm	5000-6000 lao động	7000-8000 lao động		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
15	Thu nhập bình quân (người/tháng) của người dân tộc thiểu số ở miền núi	2,4-2,5 triệu đồng/ người/tháng	4 triệu đồng /người/tháng		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
16	Tỷ lệ lao động nông, lâm, ngư nghiệp	59%	50%		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
17	Tỷ lệ xã, thị trấn đạt danh hiệu vững mạnh về quốc phòng an ninh	95%	100%		Công an tỉnh	
	<i>Trong đó: Mạnh toàn diện</i>	65%	70%			

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG BÁO CÁO CỦA CÁC SỞ NGÀNH THEO NHIỆM VỤ**  
**ĐƯỢC PHÂN CÔNG TẠI KẾ HOẠCH SỐ 77/KH-UBND NGÀY**  
**06/5/2022 CỦA UBND TỈNH**

(Kèm theo Công văn số /BDT-CSDT  
ngày tháng năm 2023 của Ban Dân tộc tỉnh)

STT	Nội dung báo cáo	Cơ quan báo cáo	Ghi chú
1	Về xây dựng hệ thống chính trị thật sự vững mạnh	Sở Nội vụ	
2	Về nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3	Về tập trung phát triển nông nghiệp	Sở Nông Nghiệp và PTNT	
4	Về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến nông, lâm sản	Sở Công Thương	
5	Phát triển các ngành dịch vụ; chú trọng phát triển du lịch ở những nơi có điều kiện	Các Sở: Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch (theo từng lĩnh vực)	
6	Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng	Các Sở: Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng (theo từng lĩnh vực)	
7	Về phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí	Sở Giáo dục và Đào tạo	
8	Về phát triển nguồn nhân lực	Các Sở: Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội (theo từng lĩnh vực)	
9	Về nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; thực hiện tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và trẻ em	Sở Y tế	
10	Về giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa; nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân; triển khai thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo	Các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ (theo từng lĩnh vực)	
11	Đẩy mạnh công tác giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội	Ban Dân tộc (Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn	

		<i>mới</i> ); Sở Lao động -Thương binh và Xã hội ( <i>Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững</i> )	
12	Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư ( <i>theo từng lĩnh vực</i> )	
13	Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội	Công an tỉnh	